

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3373/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang; số 3780/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang tại xã Đức Hương, huyện Vũ Quang;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc uỷ quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5667/TTr-STNMT ngày 04/12/2024 (trên cơ sở đề xuất của UBND xã Đức Hương tại Văn bản số 39/UBND ngày 23/5/2024 kèm hồ sơ liên quan; ý kiến của Hội đồng thẩm định tại các Văn bản: số 2538/STNMT-MT ngày 12/6/2024, số 3077/STNMT-MT ngày 12/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 99/UBND ngày 05/11/2024 của UBND xã Đức Hương kèm theo hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện); ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho UBND xã Đức Hương (*địa chỉ thôn Hương Phố, xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh*) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang”.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Hương Hòa, xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020; Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang tại xã Đức Hương, huyện Vũ Quang; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND huyện Vũ Quang về việc quyết định chủ trương đầu tư, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 30000166667

1.5. Loại hình dự án: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

a) Phạm vi:

Tổng diện tích sử dụng đất của dự án 35.203,8m² đất (theo Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh về việc giao đất để xây dựng vào mục đích công cộng), bao gồm các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính (diện tích 624m²), gồm: Nhà phân loại và đặt lò đốt với diện tích 540m²; Nhà điều hành và nhà ăn ca với diện tích 84 m²; Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (Lò đốt DCI công suất thiết kế 700 kg/giờ; lò được Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và xây dựng Quốc tế chế tạo, sản xuất, được Công ty Cổ phần chứng nhận và kiểm định Vinacontrol cấp Giấy chứng nhận hợp quy số 6824/PT8 ngày 16/8/2024).

- Hạng mục phụ trợ (diện tích 32.206,57m²), gồm: Sân đường nội bộ, bể chứa nước và hệ thống cấp nước, trạm cân, cống ra vào, nhà bảo vệ, cây xanh, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước,...

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường (diện tích 2.373,23m²), gồm:

+ Hồ chôn lấp tro xỉ diện tích 900m²;

+ Hồ chôn lấp gạch đá: diện tích 1.350m² (hiện chưa đầu tư xây dựng).

+ Bể chứa nước xử lý khí thải: 01 bể, diện tích 90m² (hiện đã đầu tư xây dựng 33,23m²).

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: gồm tuyến đường ống thu gom dẫn nước thải, các hố ga và hệ thống xử lý nước thải tập trung với diện tích 90m².

+ Hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải lò đốt: gồm các thiết bị được chế tạo, lắp đặt đồng bộ trong hệ thống lò đốt (như Cyclon tách bụi, làm mát kết hợp hấp thụ; tháp hấp thụ kết hợp với hấp phụ, quạt hút, ống khói).

b) Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

c) Công suất: Dự án tiếp nhận và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Vũ Quang (gồm: Thị trấn Vũ Quang và 09 xã: Ân Phú, Đức Giang, Đức Lĩnh, Đức Bông, Đức Hương, Đức Liên, Quang Thọ, Hương Minh, Thọ Điền) với công suất khoảng 14 tấn/ngày.đêm (tính cho thời gian làm việc 3 ca, 20 giờ/ngày đêm), trong đó:

- Xử lý bằng đốt tại lò đốt: Khoảng 12,006 tấn/ngày (chiếm 85,8%) chủ yếu chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại (sau khi đã phân loại, bóc tách chất tái chế, chất thải thực phẩm và xà bần, gạch đá,... lẫn);

- Chôn lấp hợp vệ sinh: Khoảng 0,414 tấn/ngày (chiếm 2,9 %), gồm các loại xà bần, gạch đá,... lẫn;

- Ủ chất thải thực phẩm kết hợp với chế phẩm sinh học để tạo mùn hữu cơ: Khoảng 0,18 tấn/ngày (chiếm 1,3%), gồm các loại: rau, củ, quả, trái cây,...;

- Phân loại, tách riêng chất thải tái chế, tái sử dụng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu: Khoảng 1,4 tấn/ngày (chiếm 10%), gồm: giấy thải, bao bì nhựa, kim loại thải....

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. UBND xã Đức Hương (đơn vị đề xuất), UBND huyện Vũ Quang (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Hội đồng thẩm định (theo Quyết định số 128/QĐ-STNMT ngày 21/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện

đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án (Ủy ban nhân dân xã Đức Hương):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ủy ban nhân dân xã Đức Hương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Vũ Quang thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án “Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang tại xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh các nội dung liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND xã Đức Hương;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt, ăn uống, tắm rửa tại nhà điều hành của khu xử lý; lưu lượng khoảng 0,6m³/ngày đêm (tương đương 0,025 m³/h).

- Nguồn số 02: Nước rỉ rác từ nhà tập kết rác; lưu lượng khoảng 1,4 m³/ngày đêm (tương đương 0,058 m³/h).

- Nguồn số 03: Nước rỉ rác từ hố chôn lấp tro xỉ; lưu lượng khoảng 0,7 m³/ngày mưa lớn nhất (tương đương 0,029 m³/h).

- Nguồn số 04: Nước thải từ rửa máy móc, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng; lưu lượng 3,31 m³/ngày (tương đương 0,138 m³/h).

- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải của lò đốt, lưu lượng khoảng 3,0 - 3,5m³/ngày đêm (tương đương 0,125 m³/h - 0,146 m³/h).

2. Dòng nước thải, nguồn tiếp nhận và vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả ra Khe Cạn về phía Tây Bắc của dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe Cạn phía Tây Bắc của dự án, thuộc thôn Hương Hòa, xã Đức Hương, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ điểm xả thải: X(m) = 2032790; Y(m) = 504790 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 9,51m³/ngày.đêm (tương đương 0,4 m³/giờ).

2.2.4. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn tự chảy qua ống nhựa PVC đường kính D160m, chiều dài 230m dẫn ra Khe Cạn.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột B, QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (K_q=0,9, K_f=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng
2	BOD5	mg/l	54	
3	COD	mg/l	162	
4	Sắt (Fe)	mg/l	5,4	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108	
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,54	
7	Tổng Nitơ	mg/l	43,2	
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8	
9	Tổng photpho	mg/l	6,48	
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8	
11	Tổng Coliform	CFU/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại thể tích 9,18m³ (kích thước DxRxH = 3,0m x 1,8m x 1,7m) cùng với nước thải từ hoạt động ăn uống, tắm rửa tại nhà điều hành của khu xử lý được thu gom qua song chắn rác, dẫn chung vào hố ga (thể tích 0,18m³, kích thước 0,6mx0,6mx0,5m); nước thải sau hố ga được thu gom qua đường ống uPVC D160, dài 78m vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 10m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 02 và nguồn số 04: Nước rỉ rác từ nhà tập kết rác và nước thải từ rửa máy móc, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng được thu gom bằng hệ thống mương bên trong nhà phân loại (mương xây bằng gạch, kích thước rộng 250mm, sâu 300mm, dài 40m, nắp mương có song chắn rác bằng thép để ngăn rác kích thước lớn rơi xuống mương), nước dọc mương dẫn vào hố ga bên cạnh nhà tập kết rác (kích thước 0,6mx0,6mx0,5m) và chảy theo ống nhựa PVC đường kính D160, dài 56m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

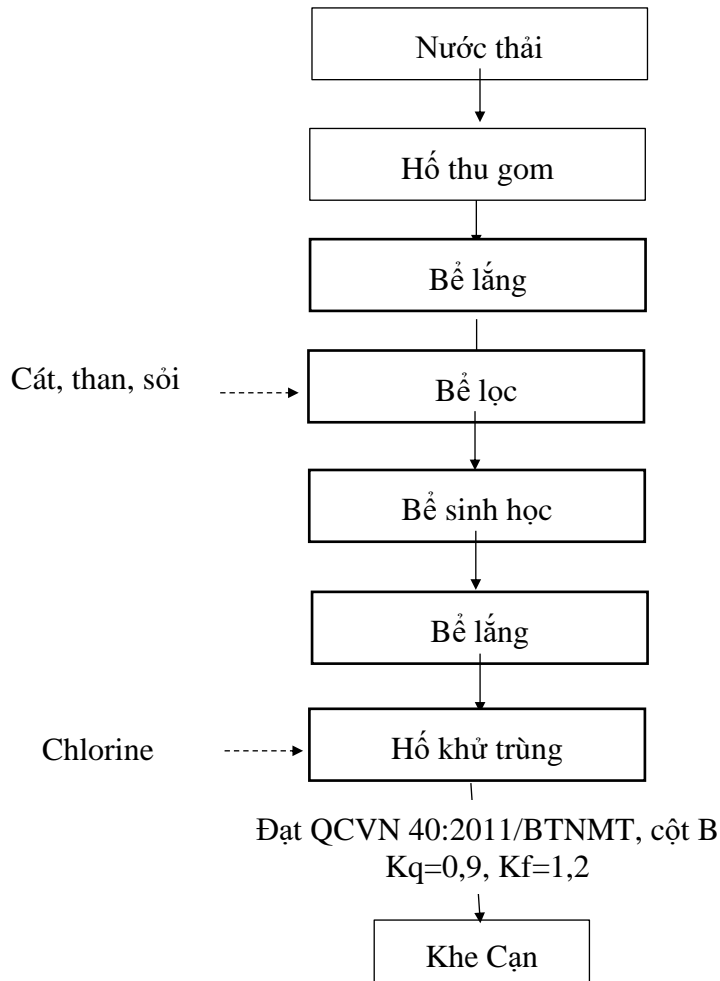
- Nguồn số 03: Nước rỉ rác phát sinh từ các ô chôn lấp tro xỉ được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC bố trí dạng xương cá nằm dưới đáy ô, gồm 01 tuyến ống PVC D160 ở chính giữa và các tuyến ống nhánh PVC D110 (tổng chiều dài hệ thống đường ống là 42m), sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của lò đốt được lưu chứa tại bể chứa dung dịch, dẫn vào hố ga, sau đó dẫn bằng đường ống PVC có kích thước D160 dài 30m đầu nối cùng với nước thải phát sinh từ nguồn số 02 và số 04 rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01) và nước thải phát sinh trong quá hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt (nguồn số 02, 03, 04, 05) qua hố thu gom → Bể lắng → Bể lọc → Bể sinh học → Bể lắng → Hồ khử trùng → Khe Cạn phía Tây Bắc dự án.

* Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:



* Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- *Hố thu gom*: Nước thải phát sinh từ nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh trong quá hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt (nguồn số 01, 02, 03, 04, 05) được dẫn về hố thu gom, sau đó dẫn vào bể lắng.

- *Bể lắng*: Nước thải được đưa vào bể lắng qua đường ống PVC D160, dài 384m để lắng cặn.

- *Bể lọc*: Nước thải qua bể lắng, dẫn sang bể lọc bằng đường ống nhựa PVC D110 (dài 50cm), độ cao 0,7m so với đáy bể, nước thải chảy từ trên xuống qua các lớp vật liệu lọc bố trí trong bể, gồm: Lớp cát vàng dày 10cm → Lớp than hoạt tính dày 10 cm → Lớp cát thạch anh dày 10cm → Lớp sỏi đá dày 30cm. Tác dụng của các lớp vật liệu lọc giúp loại bỏ các tạp chất, cặn bẩn kích thước

lớn, đồng thời than hoạt tính giúp hấp phụ các chất độc hại, kim loại nặng trong nước.

Sau khi đi qua các lớp vật liệu lọc, nước thải tự chảy sang bể sinh học bằng hệ thống các ống lọc PVC D48 đục lỗ ở phía dưới chân tường ngăn.

- *Bể sinh học*: Nước thải sau khi qua bể lọc được dẫn vào bể sinh học - Khử Nitơ (khử chất dinh dưỡng N&P): dựa trên cơ sở hoạt động của vi sinh vật diễn ra quá trình xử lý sinh học hiếu khí phân huỷ chất hữu cơ gây ô nhiễm. Trong môi trường hiếu khí, các vi sinh vật hiếu khí sử dụng chất hữu cơ và một số khoáng chất có trong nước thải làm thức ăn để sinh trưởng, phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất. Định kỳ 1 tuần/lần bổ sung chế phẩm sinh học HATIMIC dạng bột với liều lượng 20g/m³ nước thải.

- *Bể lắng*: Sau khi qua bể sinh học, nước thải tiếp tục được dẫn qua bể lắng, tại đây các cặn lơ lửng sẽ lắng trọng lực xuống đáy bể, phần nước sau lắng phía trên sẽ tự gạn sang hồ khử trùng bằng đường ống nhựa PVC kích thước D160.

- *Hồ khử trùng*: Là công đoạn cuối của quá trình xử lý nhằm diệt vi khuẩn, mầm bệnh trong nước thải, hóa chất sử dụng Ca(ClO)₂ viên nén, định kỳ 1 viên/ngày. Hồ khử trùng được đặt phía sau bể lắng, cạnh đường đi vào khu xử lý. Loại hóa chất khử trùng (dạng Ca(ClO)₂ viên nén), liều lượng sử dụng 1 viên/ngày, bỏ trực tiếp vào hồ khử trùng.

* Kết cấu và kích thước các công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

Hệ thống xử lý nước thải được xây bằng gạch đá, kích thước (12,8x7x1,7)m, gồm có 4 bể: 01 bể lắng nước thải đầu vào, 01 bể lọc, 01 bể sinh học và 01 bể lắng nước thải trước khi ra bể khử trùng; hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt trong nhà mái che bằng tôn, tường bao bằng gạch.

- Kết cấu các bể, gồm: Thành bể được xây bằng đá, bờ thành dày 30cm, có màng chống thấm HDPE dày 2mm; đáy bể có các lớp: Bê tông dày 10cm, màng chống thấm HDPE dày 2mm. Riêng đối với bể lọc có các lớp lọc: lớp 1 là sỏi dày 30cm, lớp 2 là cát thạch anh dày 10cm, lớp 3 là than hoạt tính dày 10cm và lớp 4 là cát vàng dày 10cm.

- Chi tiết kích thước các công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

TT	Loại bể	Thông số (ký hiệu, đơn vị)								Vật liệu
		Dài (L, m)	Rộng (W, m)	Chiều sâu (H, m)	Chiều sâu công tác (Hn, m)	Thể tích tổng (Vt, m ³)	Thể tích làm việc (Vv, m ³)	Thời gian lưu (HRT, h)	Số lượng (N, Bể)	
1	Hồ thu nước thải	0,6	0,6	1	0,8	0,36	0,288	10 phút	08	Bê tông cốt thép
2	Bể lắng	2,2	2,2	1,5	1,2	3,96	3,2	8,2	1	
3	Bể lọc	2,2	1,5	2,1	1,5	5,5	4,0	10	1	
4	Bể sinh học	2,5	2,2	2,1	1,8	11,55	9,9	25	1	
5	Bể lắng	2,2	2,0	2,1	1,5	9,24	6,6	16,7	1	
6	Hồ khử	0,6	0,6	1	0,8	0,36	0,288	0,5	1	

TT	Loại bể	Thông số (ký hiệu, đơn vị)								
		Dài (L, m)	Rộng (W, m)	Chiều sâu (H, m)	Chiều sâu công tác (H _n , m)	Thể tích tổng (V _t , m ³)	Thể tích làm việc (V _v , m ³)	Thời gian lưu (HRT, h)	Số lượng (N, Bể)	Vật liệu
	trùng									
7	Bơm nước thải	Lưu lượng 5,0 m ³ /h, Công suất 1,1 KW							2	

1.2.2. Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 10 m³/ngày đêm.

1.2.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Hóa chất khử trùng: Ca(ClO)₂ viên nén, số lượng 1 ngày/viên.

+ Than hoạt tính, cát, sỏi: Số lượng 100 kg/lần, tần suất thay 6 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

- Tuân thủ đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải nhằm mục đích đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng kỹ thuật, an toàn, hiệu quả.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Hàng ngày, nhân viên vận hành ghi vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

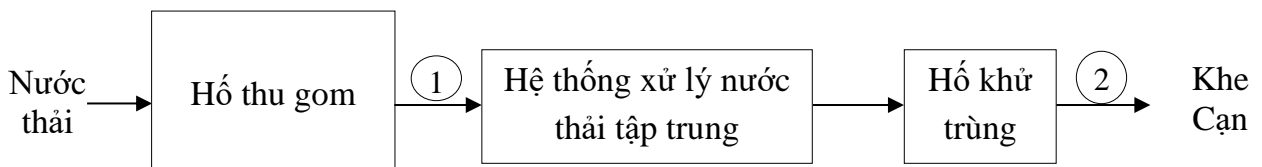
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các máy bơm, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:



- Vị trí số 01: Lấy mẫu đầu vào nước thải trước xử lý (tại hố thu gom trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 2032682, Y(m) = 504754 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

- Vị trí số 02: Lấy mẫu đầu ra nước thải sau xử lý, trước khi thải ra môi trường (tại vị trí xả thải). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 2032790; Y(m) = 504790 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường,

việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định nêu trên và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, hệ thống xử lý nước thải tập trung. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào, máy móc, dây chuyền hoạt động tại khu xử lý.
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ mương thu gom, mương thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ bãi chôn lấp tro xỉ.
- Nguồn số 04: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt trong nhà phân loại.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ Cyclone tách bụi và khí thải, mùi hôi từ bể xử lý khí thải.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

2. Dòng và vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Đối với bụi, khí thải từ các nguồn (số 01, số 02, số 03, số 04, số 05): là các nguồn thải phân tán, không liên tục nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

2.2. Dòng khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (nguồn số 06):

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống khói của lò đốt, tọa độ: X(m) = 2032623; Y(m) = 504727 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.800 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được xả vào môi trường theo phương thức cưỡng bức bởi quạt hút.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (hệ số Kv = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 61-MT:2016/BTNMT (Kv = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	60	
3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	300	
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	300	
5	Nitơ oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	600	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 61-MT:2016/BTNMT (Kv = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,24	
7	Cadimi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,192	
8	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,44	
9	Tổng đioxin/furan, PCDD/PCDF	ngTEQ/Nm ³	0,72	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

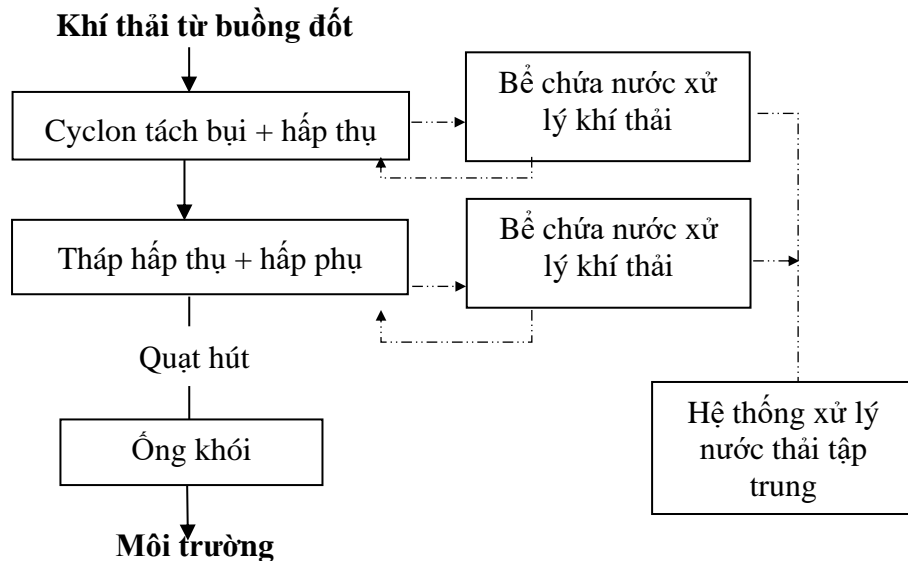
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

1.1. Đối với khí thải của lò đốt:

1.1.1. Mạng lưới thu gom, công trình, thiết bị xử lý khí thải lò đốt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ buồng đốt → Cyclon tách bụi, làm mát kết hợp hấp thụ → Tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ → Quạt hút → Ống khói → thải ra môi trường.

- Sơ đồ quy trình công nghệ như sau:



- Kết cấu, thông số kỹ thuật các công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi, khí thải, cụ thể như sau:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống dẫn khí thải từ buồng đốt đến cyclon	01 bộ	Chiều dài 1.500mm, đường kính D700mm, làm bằng thép
2	Đường ống dẫn khí thải từ cyclon đến tháp hấp thụ	01 bộ	Chiều dài 5.700mm, đường kính D600mm; làm bằng thép
3	Đường ống dẫn khí thải từ tháp hấp thụ đến quạt hút lên ống khói	01 bộ	Chiều dài 5.700mm, đường kính D600mm, làm bằng thép

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
4	Cyclon lọc bụi, làm mát + hấp thụ	01 cái	Có Đường kính D1700, H= 2500, làm bằng thép, có ống thu khói bên trong đường kính D600mm, có 02 cửa thăm, mỗi cửa thăm có kích thước 500x500mm
5	Tháp hấp thụ + hấp phụ khí	01 cái	Có đường kính D=1500, H=3000; làm bằng thép; có 02 cửa thăm, mỗi cửa thăm có kích thước 500x500mm
6	Quạt hút khói	01 cái	- Vật liệu: Thép - Cột áp: 2.100 – 2.900Pa - Công suất 7,5 kWh. - Lưu lượng: 6.200 – 6.800m ³ /h.
7	Bể chứa nước xử lý khí thải	01 cái	Kích thước bể đã xây dựng: 9,66x3,44x2m, chia làm 5 ngăn; bể được xây bằng gạch, đáy bê tông có quét chống thấm
8	Bơm dung dịch hấp thụ	04 cái	- Công suất 0,25KW, 220V/50Hz - Đường ống dẫn nước: Nhựa chịu nhiệt PPR. Mỗi thiết bị hấp thụ bố trí 02 bơm luân phiên.
9	Ống khói	01 cái	Làm bằng vật liệu là Inox 304, có chiều cao 20m, đường kính 450mm; trên ống khói có sàn công tác với kích thước 1.200 x 1.000mm và cửa lấy mẫu khí thải

*** Thuyết minh quy trình xử lý khí thải lò đốt:**

Hệ thống thu gom, xử lý khí thải của lò đốt gồm: 01 thiết bị cyclon tách bụi kết hợp hấp thụ khí thải, 01 tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ khí thải, 01 quạt hút khí thải lên ống khói, 01 hệ thống đường ống dẫn khí thải. Quy trình xử lý khí thải như sau:

Khí thải từ buồng đốt của lò đốt mang theo bụi được đưa vào thiết bị cyclon tách bụi kết hợp hấp thụ khí thải. Dưới tác dụng của lực ly tâm, các hạt bụi có trong dòng khí bị văng về thành cyclon và tách khỏi dòng khí, rơi xuống và được thu hồi ở đáy cyclon. Dòng khí sau khi thoát ra khỏi cyclon được đưa vào tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ khí thải. Trong thiết bị này tiếp tục diễn ra quá trình hấp thụ các thành phần khí độc bằng dung dịch sữa vôi và quá trình hấp phụ bằng than hoạt tính. Dòng khí thải được đưa vào từ dưới lên, tiếp xúc với các giàn phun dung dịch sữa vôi (Ca(OH)₂ 20%) hấp thụ từ trên xuống và tiếp xúc với lớp than hoạt tính sẽ giúp loại bỏ các thành phần độc hại trước khi thoát ra ngoài theo ống thu khói được lắp cùng trục với thân thiết bị.

- Quá trình hấp phụ bằng than hoạt tính: Than hoạt tính có cấu trúc xốp và không phân cực với diện tích bề mặt lớn. Các thành phần khí độc (H₂S, SO₂, CO₂, Cl₂, CH₄...) trong hỗn hợp khí thải khi qua lớp than hoạt tính sẽ được giữ lại trên bề mặt vật liệu, giúp làm sạch dòng khí.

- Quá trình hấp thụ bằng dung dịch sữa vôi (Ca(OH)₂ 20%). Dung dịch sữa vôi

được châm trực tiếp tại bể cuối cùng của hệ thống xử lý khí thải và sử dụng máy bơm lên giàn phun.

Hỗn hợp dung dịch sữa vôi sau khi tiếp xúc với khí thải sẽ rơi xuống đáy tháp, chảy vào bể lắng cặn rồi được hồi lưu một phần về bể chứa nước xử lý khí thải để tiếp tục bơm tái sử dụng. Bể chứa nước xử lý khí thải thường xuyên được bổ sung hóa chất để đảm bảo nồng độ duy trì hiệu quả xử lý. Đối với lượng nước thải không được hồi lưu, thành phần có lẫn các loại muối CaSO_4 , CaCl_2 , $\text{Ca}(\text{OCl})_2$, CaF_2 với khối lượng ước tính khoảng $0,2\text{m}^3/\text{ngày}$ sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án. Phần bùn cặn từ bể chứa nước xử lý khí thải, định kỳ (khoảng 2 lần/tuần) được nạo vét đưa về khu lưu giữ chất thải nguy hại để hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

Khí thải lò đốt sau xử lý phải đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt ($K_v = 1,2$) trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.1.2. Công suất thiết kế: $6.800\text{ m}^3/\text{giờ}$.

1.1.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng:

- Dung dịch sữa vôi: $\text{Ca}(\text{OH})_2$ khoảng $2\text{kg}/1\text{ tấn rác}$ (sử dụng hằng ngày).
- Than hoạt tính: Khoảng $10 - 15\text{ kg/lần}$, tần suất thay 6 tháng/lần .

1.2. Đối với bụi, khí thải từ các nguồn số 1, số 2, số 3, số 4 và số 5:

- Vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên khu xử lý, phun nước giữ ẩm trên sân đường nội bộ với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (vào thời điểm trời khô, nắng).

- Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vận chuyển riêng các loại chất thải rắn đã phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Máy móc và trang thiết bị hoạt động sản xuất trong khu xử lý được đầu tư đồng bộ, đạt các Tiêu chuẩn kỹ thuật về tiết kiệm nhiên liệu, điện năng; Bố trí dây chuyền thiết bị hợp lý nhằm xử lý tốt bụi thải cục bộ từng công đoạn.

- Cây xanh được trồng theo quy hoạch hàng rào xung quanh khu xử lý và xen kẽ các hạng mục công trình, hài hòa giữa các khu chức năng.

- Lắp các quạt thông gió công nghiệp trong khu vực nhà tập kết chất thải rắn sinh hoạt để làm mát trực tiếp cho công nhân vận hành máy móc, đảm bảo không khí luôn được lưu thông, tránh hiện tượng gây ô nhiễm cục bộ.

- Thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt kịp thời khi chuyển về, không để tồn đọng dài ngày nhằm hạn chế mùi hôi và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường do sự phát triển côn trùng, vi sinh vật.

- Trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động gồm quần, áo, ủng, găng tay, khẩu trang, kính... và các vật dụng như cốc, xẻng, cào... trong quá trình phân loại đảm bảo an toàn sức khỏe cho công nhân vận hành.

- Hệ thống cống thoát nước thải được xây dựng là hệ thống cống kín; tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn chất thải rắn, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc cống; Thường xuyên vệ sinh, khơi thông mương rãnh, cống thu gom và thoát nước thải; Bê tông hoá đường giao thông nội bộ, sân tập kết chất thải.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các bể chứa nước xử lý khí thải. Định kỳ 1 năm lần tiến hành súc rửa các bể chứa nước xử lý khí thải; Nước rỉ từ khu

vực chôn lấp phải thường xuyên được bơm về hệ thống xử lý nước thải, tránh để lâu gây mùi hôi.

- Định kỳ 1 tuần/lần tiến hành phun chế phẩm sinh học tại bể sinh học; 6 tháng/lần tiến hành thay thế lớp vật liệu lọc trên cùng của bể lọc tại hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm tăng hiệu quả xử lý và giảm thiểu mùi hôi.

- Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành vệ sinh các Cyclone, tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải. Định kỳ 2 tuần/lần tiến hành phun chế phẩm sinh học pha loãng với nước sạch để xử lý mùi từ khu vực đập bụi và bể xử lý khí thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố về bụi, khí thải:

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò đốt và hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành của từng công đoạn và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải sản xuất, kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng mà nhà cung cấp thiết bị khuyến cáo.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường, vận hành lò đốt phải được đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý; bảo trì bảo dưỡng thiết bị; ứng phó sự cố; Lập sổ theo dõi và ghi đầy đủ nhật ký vận hành lò đốt.

- Khi hệ thống xử lý khí thải của lò đốt gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này thì dừng nạp chất thải và thực hiện theo quy trình ứng phó sự cố đã xây dựng cho đến khi hoàn thành việc khắc phục, cụ thể như sau:

+ Khẩn trương tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố tại hệ thống xử lý khí thải và chỉ vận hành trở lại khi hệ thống xử lý khí thải đã được sửa chữa khắc phục sự cố xong.

+ Đơn vị vận hành sẽ tiến hành thông báo tới các địa phương trên địa bàn tạm thời chưa tiếp nhận chất thải trong thời gian lò đốt dừng để sửa chữa và bảo trì.

+ Lượng chất thải đã đưa về tập kết sẽ được phân loại và phun chế phẩm EM nhằm giảm thiểu mùi hôi trong thời gian lò đốt đang sửa chữa, bảo trì.

+ Thông báo với nhà cung cấp thiết bị tiến hành sửa chữa kịp thời, nhanh chóng tránh chất thải ùn tắc. Trường hợp thời gian sửa chữa, bảo trì kéo dài thì đơn vị vận hành tiến hành thu gom và tạm thời hợp đồng với các đơn vị có chức năng khác vận chuyển rác đưa đi xử lý đảm bảo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của lò đốt, tọa độ: $X(m) = 2032623$; $Y(m) = 504727$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.2 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải của lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại Dự án theo yêu cầu tại mục 1 phần B Phụ lục này;

3.2. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải của Dự án gây ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện bốc dỡ chất thải rắn sinh hoạt tại nhà tập kết chất thải.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của quạt cấp khí vào buồng đốt chất thải rắn sinh hoạt;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ hoạt động của quạt hút khí của hệ thống xử lý khí thải lò đốt.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ hoạt động của máy bơm nước hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn chính (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°), cụ thể:

- + Nguồn số 1: Tọa độ X(m) = 2032634; Y(m) = 504724.
- + Nguồn số 2: Tọa độ X(m) = 2032640; Y(m) = 504730.
- + Nguồn số 3: Tọa độ X(m) = 2032623; Y(m) = 504723.
- + Nguồn số 4: Tọa độ X(m) = 2032682; Y(m) = 504758.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26 :2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ các thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đặc điểm công việc.
- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su ở chân các dây chuyền, máy móc phát sinh ra tiếng ồn và máy bơm nước nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.
- Thường xuyên kiểm tra và cố định lại các múi nối của khung đỡ quạt hút của Hệ thống xử lý khí thải lò đốt.

- Trồng và quản lý hệ thống cây xanh trong khuôn viên khu xử lý theo đúng quy hoạch được phê duyệt, nhằm giảm đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ hoạt động sản xuất của khu xử lý và giảm ô nhiễm môi trường không khí xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	16 01 06	109,5 - 182,5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, dẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	278,86 - 452,6
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	NH	17 02 03	219 - 365
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	KS	08 02 04	109,5 - 182,5
5	Pin, ắc quy thải	NH	16 01 12	146 - 255,5
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải, thiết bị điện có các linh kiện điện tử	NH	16 01 13	109,5 - 182,5
7	Bùn cặn từ quá trình xử lý khí thải	NH	12 01 03	13,14 - 21,9
8	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	NH	12 01 04	109,5 - 182,5
Tổng cộng				1.095 - 1.825 kg

1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn cặn từ bể tự hoại: Khối lượng phát sinh khoảng 0,01 m³/ngày (tương đương với khoảng 3,75 m³/năm);

- Bùn cặn phát sinh từ bể chứa nước xử lý khí thải và từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Khối lượng phát sinh khoảng 0,5 kg/ngày (tương đương 182,5kg/năm).

- Vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý nước thải (than hoạt tính, cát, sỏi) định kỳ với khối lượng khoảng 300 kg/năm.

- Tro xỉ phát sinh từ lò đốt chiếm khoảng 2% lượng rác đưa vào lò đốt, khối lượng khoảng 0,24 tấn/ngày (tương đương 7,2 tấn/tháng).

1.3. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại khu xử lý (bao gồm: bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, lon bia, rau củ quả, thức ăn dư thừa,...): 03 kg/ngày, tương đương 1.095kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.1.1. Thiết bị và khu vực lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa đựng CTNH, CTCNPKS (dung tích khoảng 50lít/thùng) có nắp đậy và được dán nhãn, phân loại chất thải, lưu giữ tại khu lưu chứa CTNH, CTCNPKS đặt trong nhà phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Khu vực lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 04m², được ngăn cách xung quanh bằng vách tôn (nhà phân loại chất thải có cosd nền cao hơn sân 0,2m, tường bao xung quanh cao 1,2m, nền bê tông, mái lợp tôn) đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Biện pháp thu gom, xử lý:

Toàn bộ CTNH, CTCNPKS phát sinh được phân định, phân loại, lưu giữ tại khu vực lưu chứa; định kỳ hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với tro xỉ phát sinh từ lò đốt: 01 ngày/lần thu gom, đưa về khu vực hố chôn lấp tro xỉ để xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh.

- Đối với vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý nước thải: Định kỳ 06 tháng/lần sau khi thay được thu gom, hợp đồng với Công ty TNHH chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn cặn từ bể tự hoại, bùn từ bể chứa nước xử lý khí thải và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: hợp đồng với Công ty TNHH chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị và khu vực lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng (thể tích khoảng 20 lít/thùng, có nắp đậy) tại nhà điều hành để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, bao gồm: Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng, chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà điều hành được phân loại lưu giữ vào các thùng đựng, hằng ngày chuyển sang nhà phân loại để lưu giữ, xử lý cùng với lượng chất thải rắn sinh hoạt từ các địa phương vận chuyển về (nhà có diện tích 540m², làm bằng khung thép tiền chế, mái lợp tôn, bao che xung quanh bằng tôn một lớp mạ màu);

2.3.2. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại, xử lý như sau:

+ Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom vào thùng đựng đặt ở góc phía Tây trong nhà phân loại, định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Chất thải thực phẩm như thực phẩm thừa, rau củ hỏng phát sinh từ nhà điều hành cùng với chất thải thực phẩm phân loại từ chất thải rắn sinh hoạt của các địa phương vận chuyển về (do phân loại chưa triệt để) được ủ kết hợp chế phẩm sinh học để tạo ra phân hữu cơ. Hồ ủ được bố trí trong nhà phân loại, kích thước $R \times D \times H = 3 \times 9 \times 3 \text{m}$, làm bằng bê tông, trên có nắp đậy, có thu gom nước rỉ rác cùng với hệ thống thu gom nước rỉ rác từ nhà phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại được thu gom, lưu giữ tại thùng đựng và đưa vào lò đốt để xử lý cùng với lượng chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại tại nhà phân loại của khu xử lý.

+ Đối với chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh từ phân loại chất thải rắn sinh hoạt (nếu có): được thu gom, lưu giữ tại khu vực lưu giữ CTNH, CTCNPKS của dự án (như tại điểm 2.1 mục 2 phần A Phụ lục này); định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

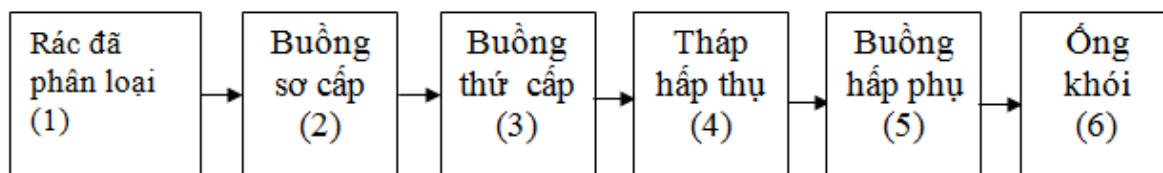
3.1. Loại chất thải tự xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt.

3.2. Khối lượng chất thải tự xử lý: Tối đa 5.110 tấn/năm (tương đương 14 tấn/ngày).

3.3. Tóm tắt quy trình công nghệ và công suất thiết kế: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, có quy trình công nghệ và công suất, cụ thể như sau:

- Lò đốt:

+ Quy trình công nghệ:



+ Công suất thiết kế: 700kg/giờ.

+ Kích thước ống khói: Chiều cao 20m, đường kính 450mm.

- Chôn lấp:

+ Quy trình công nghệ: Tro xỉ đốt, chất thải tro → bãi chôn lấp.

+ Công suất: Khoảng 0,414 tấn/ngày.

+ Khu chôn lấp tro xỉ có diện tích 900m² gồm 02 hố có diện tích mỗi hố 450m² trong đó mới chỉ có 01 hố đã xây dựng (gồm có 03 ô; mỗi ô có diện tích 150m²; kết cấu xây dựng mỗi ô: thành ô được xây bằng đá học, mác 100; thành và đáy ô có phủ lớp màng địa kỹ thuật chống thấm HDPE dày 02mm; ở đáy mỗi ô trên lớp chống thấm HDPE có các lớp: cát vàng tầng lọc dày 20cm, đá dăm tầng lọc dày 30cm; hệ thống đường ống thu nước rỉ rác gồm các tuyến ống nhánh loại

u.PVC D110, chiều dài L=40,4m và tuyến ống chính loại u.PVC D160, chiều dài L=25,5m).

+ Hồ chôn lấp gạch đá: 01 hồ chia thành 05 ngăn, tổng diện tích 1.350m², hiện chưa đầu tư xây dựng.

- Ủ chất thải thực phẩm tạo mùn hữu cơ:

+ Quy trình công nghệ: Chất thải thực phẩm → Hồ ủ tạo mùn kết hợp chế phẩm sinh học → Mùn hữu cơ.

+ Công suất: Khoảng 0,18 tấn/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

* Chủ Dự án tuân thủ thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường, chi trả chi phí ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

* Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Đồng thời thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với từng sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và một số nội dung như sau:

1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Trang bị các thiết bị điện có chất lượng tốt, đúng tiêu chuẩn và đúng công suất sử dụng.

- Xây dựng và chuẩn bị các phương án chuẩn bị nguồn nước cho công tác phòng cháy chữa cháy.

- Nhà phân loại và lò đốt phải được lắp đặt xây dựng đúng thiết kế kỹ thuật; các máy móc và thiết bị lắp đặt đúng công nghệ đã được thẩm định. Việc quản lý vận hành lò đốt phải thực hiện đúng hướng dẫn quy trình và trình tự, đảm bảo không để xảy ra các sự cố về cháy nổ tại khu vực lò đốt.

- Định kỳ tổ chức diễn tập về phòng chống cháy nổ cho cán bộ, công nhân để nắm vững phương pháp xử lý sự cố và nghiệp vụ phòng chống cháy nổ.

- Lắp hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống chống sét tại khu xử lý theo đúng thiết kế kỹ thuật được cơ quan chuyên ngành thẩm duyệt theo quy định.

- Các loại chất thải rắn sinh hoạt sẽ được kiểm soát trước khi nạp vào lò đốt để không ảnh hưởng đến việc vận hành bình thường của lò đốt; không đưa vào lò đốt: chất thải rắn sinh hoạt có nguy cơ gây nổ, chất thải có tính ăn mòn; hóa chất, bao bì hóa chất bảo vệ thực vật và chất thải có chứa thủy ngân, chì, cadimi,....

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Chủ Dự án cam kết chấp hành nghiêm chỉnh Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động. Cụ thể áp dụng một số biện pháp phòng ngừa sau:

- Xây dựng quy trình kỹ thuật vận hành khu xử lý, đảm bảo an toàn cho người lao động với khẩu hiệu “An toàn trong sản xuất”.

- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định trong việc vận hành phương tiện vận tải, máy móc và thiết bị.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho người quản lý để kịp thời xử lý.

- Công nhân không được tự ý sử dụng hoặc sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất khi chưa được sự phân công.

- Hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, xử lý nước thải,... phải được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy trình kỹ thuật để tránh những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra.

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động (Đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm y tế,...).

- Phối hợp tốt với cơ quan y tế địa phương định kỳ kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên lao động trong khu xử lý.

- Trang bị thuốc men sơ cứu phòng trường hợp có tai nạn lao động xảy ra. Chủ động phối hợp với cán bộ y tế địa phương sơ cứu trước khi chuyển bệnh nhân đến các bệnh viện gần nhất để chữa trị....

3. Phòng ngừa ứng phó sự cố mưa, lũ

- Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, chế độ mưa bão trên khu vực để có phương án phòng chống thiên tai kịp thời.

- Trước khi có mưa, bão phải kiểm tra khu vực chứa hóa chất, nhiên liệu, taluy bờ bao bãi chôn lấp, mực nước trong các hồ xử lý nước thải, hệ thống mương thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung để kịp thời có biện pháp khắc phục các hư hỏng, rò rỉ đảm bảo an toàn.

- Sau những đợt mưa, bão tổ chức kiểm tra toàn bộ các công trình thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hồ chôn lấp tro xỉ, chất thải trơ để có biện pháp xử lý các hiện tượng rò rỉ, nứt nẻ, sạt lở công trình...

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương để đối phó kịp thời với các tình huống xấu có thể xảy ra trong mùa mưa bão.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng

với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Thực hiện cải tạo bãi chôn lấp tro xỉ sau khi đóng bãi theo quy định của pháp luật hiện hành.

B. CÁC NỘI DUNG CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Theo quy định tại các Quyết định của UBND tỉnh: Số 3373/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Vũ quang tại xã Đức Hương”; số 3780/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Vũ Quang tại xã Đức Hương, huyện Vũ Quang và Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND huyện Vũ Quang về việc quyết định chủ trương đầu tư, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2024 thì dự án có một số hạng mục, công trình bảo vệ môi trường chưa hoàn thành, chủ đầu tư tiếp tục thực hiện hoàn thiện, gồm:

TT	Công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m ²)
1	Hố chôn lấp gạch đá	Hố	1 hố chia thành 5 ngăn	1.350
2	Nhà bảo vệ	Nhà	1	12
3	Nhà để xe	Nhà	1	40
4	Trạm xịt rửa xe ô tô	Trạm	1	40
5	Hố chôn lấp tro xỉ	Hố	1	450
6	Khu vực ủ chất thải thực phẩm	Khu vực	1	27
7	Cải tạo bể chứa nước xử lý khí thải đáp ứng khả năng xử lý theo yêu cầu tại báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Bể	1	90

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Giai đoạn xây dựng bổ sung các hạng mục nêu tại phần B Phụ lục này: Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải) theo Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Vũ Quang tại xã Đức Hương” bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Quản lý chất thải trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chuyển giao chất thải không có khả năng tự xử lý cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với các chất thải phát sinh mà không tự xử lý được tại cơ sở thì phải thực hiện việc chuyển giao cho đơn vị xử lý có chức năng phù hợp.

- Có biện pháp kiểm soát chất thải khi xử lý bằng biện pháp chôn tại bãi chôn lấp, trường hợp bãi chôn lấp đầy và chưa kịp mở rộng bãi thì Chủ Dự án phải chuyển giao tro xỉ lò đốt và chất thải trợ phát sinh từ quá trình phân loại cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định. Thực hiện theo các quy định về đóng bãi chôn lấp khi kết thúc hoạt động của bãi chôn lấp theo quy định tại Điều 32 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Áp dụng các giải pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu ô nhiễm mùi; quản lý chặt chẽ các nguồn chất thải đầu vào từ khâu tiếp nhận đến khâu xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Tuân thủ, thực hiện nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, về quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý bụi và khí thải; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động theo đúng nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt theo Giấy phép này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH